| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 290/2017/DS-PT
Ngày 28-9-2017
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tặng.

*Các Thẩm phán*: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Văn Hồng Biên – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thành Biên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2013/TLPT- DS ngày 05 tháng 11 năm 2013 về việc *"Tranh chấp thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2013/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 25, k 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Ngọc Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 02, k 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Vương Thanh T, sinh năm 1986.

2.Vương Thị Hồng M, sinh năm 1988.

3. Vương Thị Tuyết H, sinh năm 1984.

4. Trần Lệ T1, sinh năm 1978.

5. Dương Thị T2, sinh năm 1980 (vợ ông Trần Ngọc Đ).

6. Mai Văn H1, sinh năm 1952.

7. La Thị M1, sinh năm 1954 (vợ ông H1).

8. Mai Văn C, sinh năm 1981 (Con ông H1).

9. Mai Đức C1, sinh năm 1985 (Con ông H1).

10. Lâm Văn T3, sinh năm 1975.

11. Huỳnh Thị Yến V, sinh năm 1975 (vợ ông T3).

Cùng địa chỉ: K 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Anh Lâm Văn T3.

12. Võ Chí H2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã BT, thị xã H, Đồng Tháp.

13. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H3 - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hùng C2 - Chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện T. Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2013.

Chị P có mặt tại phiên tòa. Anh Đ, anh T, chị M, chị H, chị T1, chị T2, ông H1, bà M1, anh C, anh C1, anh T3, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:*

Cha mẹ tôi là ông Trần CH (chết năm 2006) và bà Trương Thị N (chết năm 2001), có 03 người con là Trần Thị M2 (chết năm 1998), Trần Thị P và Trần Ngọc Đ. Trong thời gian cha mẹ còn sống có cho chị M2 4,5 công đất ruộng ở Thị trấn S, cho chị 01 công đất ruộng ở xã THC, huyện T và 01 con bò nghé, cho ông Đ 03 công ruộng ở xã TCC, huyện T và 01 nền nhà ở đường TM, thị trấn S, huyện T, cho cháu T (con chị M2) 01 nền nhà ở đường TM, cho cháu H (con chị M2) 01 nền nhà ở đường N (cha mẹ cho không có giấy tờ). Chị và các cháu cũng đã bán hết rồi. Cha mẹ chết không có để lại di chúc, sau khi chết cha mẹ có để lại di sản thừa kế mà vợ chồng ông Đ, bà T2 đang quản lý sử dụng như sau:

- 01 nền nhà diện tích 82,4 $m^2$ thửa 5881 và 01 căn nhà (trên nền nhà 82,4 $m^2$) xây tường, mái lợp tole, nền gạch tàu ngang 4,2m dài 13m diện lích 54,6 $m^2$ toạ lạc đường N, thị trấn S, huyện T đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần CH.

- Diện tích 477 $m^2$ thửa 5091 toạ lạc đường N, thị trấn S, huyện T, ông CH được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 2004, sau khi cha chết ông Đ tự ý chuyển quyền không có ý kiến của chị, trong đó có diện tích 308,8 $m^2$ hiện do ông Trần Ngọc Đ quản lý sử dụng, diện tích 65 $m^2$ ông Đ sang nhượng cho bà Trần Lệ T1, diện tích 72 $m^2$ cha tôi sang nhượng cho ông Mai Văn H1, diện tích 31,2 $m^2$ là phần mộ của bà Trần Thị Bá P (bà nội).

- Diện tích 200$m^2$ thửa 5091 ông Đ sang nhượng cho ông Mai Văn H1.

- Diện tích 1.926$m^2$ phần thửa 791, 792, 793, 794, 798, 2882 toạ lạc đường TM, thị trấn S, huyện T đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần CH.

- Diện tích 8.536$m^2$ (đất lúa) thửa 746, 825, 3245 toạ lạc thị trấn S, huyện T đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần CH.

Đất ở đường N, đường TM nguồn gốc của cha mẹ được chế độ cũ cấp vào năm 1954, đến năm 1992 được UBND huyện T cấp QSDĐ. Đất ruộng cha mẹ nhận chuyển nhượng của ông Dương Ngọc G và bà Mai Thị Kim T4 vào năm 1996 và được UBND huyện T cấp QSDĐ.

Nay chị P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cha mẹ để lại như trên (trừ diện tích phần mộ của bà nội 31,2$m^2$ và diện tích 72$m^2$ cha sang nhượng cho ông H1). Riêng đối với đất nền nhà và nhà ở đường N diện tích 82,4$m^2$ thửa 5881 chị P đồng ý không chia mà để lại cho ông Trần Ngọc Đ tiếp tục quản lý thờ cúng ông bà cha mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị P đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 72$m^2$ thửa 5091 mà ông CH sang nhượng cho ông Mai Văn H chưa chuyển quyền, đối với diện tích 65 $m^2$ thửa 5091 mà ông Trần Ngọc Đ sang nhượng cho bà Trần Lệ T1 chưa chuyển quyền, diện tích 200 $m^2$ thửa 5091 mà ông Trần Ngọc Đ sang nhượng cho ông Mai Văn H1 chưa chuyển quyền. Nhưng tại phiên toà sơ thẩm chị P thay đổi không rút yêu cầu đối với các diện tích 200$m^2$ thửa 5091 và 65$m^2$ thửa 5091, yêu cầu HĐXX giải quyết diện tích đất mà ông Đ đã sang nhượng cho hộ bà T1 và ông H1 để chia thừa kế. Ngoài ra, tại phiên toà sơ thẩm chị P có bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu tranh chấp đối với các phần đất mà sau khi bà Trương Thị N là mẹ chết đi, cha là ông Trần CH đã sang nhượng cho nhiều hộ như đường N sang nhượng cho ông Bảy T5, cô X…., đường TM sang nhượng

cho ông C3, ông Đ1, ông Ba C4, ông T6,. . . đất lúa sang nhượng cho ông Đ1 diện tích 4,2 công. Chị P yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế đối với các phần đất mà ông CH đã sang nhượng trên theo qui định của pháp luật. Đối với đất ở Đường N yêu cầu được chia 01 nền nhà ngang 4m dài 25m, diện tích 100m$^2$, nếu được chia thừa kế đất ở đường N nhiều hơn thì phần diện tích chênh lệch chị P không yêu cầu ông Đ trả giá trị.

*Bị đơn anh Trần Ngọc Đ trình bày:*

Anh Đ thừa nhận lời trình bày của bà P về nguồn gốc đất, việc cha mẹ cho đất các con cháu, diện tích đất cha mẹ để lại sau khi chết là đúng, khi cha mẹ chết không có để lại di chúc, về căn nhà của cha mẹ để lại anh Đ thống nhất làm di sản thờ cúng, yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà cha mẹ.

Về đất ở đường N thì lúc còn sống ông CH có đồng ý cho anh diện tích 477m$^2$ thửa 5091 (cho không có giấy tờ), do đó sau khi cha chết năm 2009 anh đã đăng ký quyền sử dụng đất, hiện nay đất này anh đã được Nhà nước cho nhận thừa kế vào ngày 5/10/2009, vì vậy đất này là của anh, không còn của cha mẹ, do đó anh không đồng ý phân chia. Năm 2010 anh có sang nhượng cho bà Trần Lệ T1 diện tích 65 m$^2$ bằng 16.000.000d, lúc đó ông CH còn sống có sang nhượng cho ông Mai Văn H1 diện tích 72m$^2$ bằng 16.000.000đ, năm 2009 anh có sang nhượng cho ông Mai Văn H1 diện tích 200m$^2$ bằng l0.000.000đ, nhưng đến nay chưa làm thủ tục chuyển quyền là do diện tích mua bán nhỏ hơn 500m$^2$ nên Nhà nước không cho chuyển quyền.

Về đất ở đường TM lúc cha còn sống cha nói chia cho chị P và Vương Thị Hồng M mỗi người 01 nền nhà ngang 5m chạy dài hết đất, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền thì cha chết, nay anh đồng ý giao cho chị P và cháu M mỗi người 01 nền nhà và làm thủ tục chuyển quyền như nguyện vọng của cha là ông CH, phần diện tích còn lại anh quản lý sử dụng.

Về đất lúa anh cầm cố cho ông Lâm Văn T3 diện tích 2,7 công đất tầm cắt (tương đương với 3.505m$^2$ thửa 825, 3245) bằng 40 triệu đồng, thời hạn 4 năm (Đông Xuân 2009 đến Đông Xuân 2013), hiện ông T3 đang trực canh. Hợp đồng đã hết hạn nhưng do anh không có tiền chuộc lại đất nên ông T3 tiếp tục canh tác.

Anh cầm cố cho ông H2 4 công tầm cắt (tương đương 5.031m$^2$ thửa 746) bằng 65 triệu đồng, thời hạn 2 năm (đến 1/11/2013 hêt hạn). Hiện ông H2 đang trực canh.

Việc cha mẹ tặng cho đất cho chị em, các cháu, và sang nhượng đất cho

người khác anh không có tranh chấp.

Anh Đ không đồng ý phân chia, vì anh đang thờ cúng cha mẹ ông bà nên tiếp tục sử dụng đất để chi phí vào việc thờ cúng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo uỷ quyền của anh Vương Thanh T trình bày:*

Anh là con của bà Trần Thị M2 chết năm 1998, bà M2 có 03 người con là Vương Thanh T, Vương Thị Hồng M, Vương Thị Tuyết H, khi ông bà ngoại chết không có di chúc, có để lại đất và nhà như ý kiến trình bày của bà Trần Thị P và ông Trần Ngọc Đ mà Toà án đã đo đạc. Nay anh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông bà ngoại đối với phần của bà M2 được hưởng. Anh T đồng ý giao đất nền nhà và nhà của ông bà cho ông Đ quản lý thờ cúng. Trong lúc Toà án giải quyết vụ án anh có đồng ý rút một phần yêu cầu độc lập đối với diện tích 72m$^2$ thửa 5091 mà ông ngoại là ông CH sang nhượng cho ông Mai Văn H1 chưa chuyển quyền, đối với diện tích 65m$^2$ thửa 5091 mà ông Trần Ngọc Đ sang nhượng cho bà Trần Lệ T1 chưa chuyển quyền, diện tích 200m$^2$ thửa 5091 mà ông Trần Ngọc Đ sang nhượng cho ông Mai Văn H1 chưa chuyển quyền. Nhưng tại phiên toà anh T thay đổi không rút yêu cầu đối với diện tích 200m$^2$ thửa 5091, diện tích 65 m$^2$ thửa 5091, yêu cầu Toà án chia thừa kế đối với diện tích đất ông Đ đã sang nhượng và đang sử dụng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị T2 trình bày:*

Chị T2 thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chồng chị là Trần Ngọc Đ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền anh Lâm Văn T3 trình bày:*

Vào ngày 04/12/2009 vợ chồng anh Đ, chị T2 cầm cố cho anh 2,7 công đất tầm cắt (tương đương 3.505m$^2$ thửa 825, 3245) bằng 40 triệu đồng thời hạn 4 năm là Đông Xuân năm 2009 đến Đông Xuân năm 2013), nay đã hết hạn nhưng do anh Đ không có chuộc đất nên anh canh tác đến nay. Nay anh T3 đồng ý trả đất, yêu cầu anh Đ, chị T2 trả lại tiền cầm cố là 40.000.000đ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Chí H2 trình bày:*

Vào ngày 01/7/2012 anh Đ cố đất cho anh 4 công tầm cắt (tương đương 5.031m$^2$ thửa 746 bằng 65 triệu đồng, thời hạn 2 năm (đến 01/11/2013 hết hạn), nay anh đang canh tác. Anh H2 có yêu cầu độc lập đồng ý trả đất và yêu cầu anh Đ trả tiền cố đất và bồi thường thiệt hại, trước khi Toà án xử anh H2 yêu cầu rút đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1 trình bày:*

Vào ngày 07/10/2004 ông có chuyển nhượng của ông Trần CH 01 nền nhà diện tích 117,2 $m^2$ (thửa 5880 tách từ thửa 772) ở đường N bằng số tiền 40.000.000đ, hai bên đã làm thủ tục chuyển quyền và ông đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, đến năm 2004 ông Trần CH có đồng ý sang nhượng cho ông diện tích là 72$m^2$ thửa 5091 (phía sau diện tích 117,2 $m^2$) (có giấy tờ), chưa làm thủ tục chuyển quyền. Sau khi ông CH chết, đến ngày 28/10/2009 anh Trần Ngọc Đ (con ông CH) có sang nhượng cho ông diện tích 200$m^2$ thửa 5091 bằng số tiền là 10.000.000đ (có giấy tờ), chưa làm thủ tục chuyển quyền. Hiện nay ông đang sử dụng đất đã mua của ông CH, ông Đ. Ông H1 yêu cầu vợ chồng anh Đ chuyển quyền sử dụng đất diện tích 200$m^2$.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Lệ T1 trình bày:*

Vào ngày 20/7/2010 vợ chồng anh Đ có sang nhượng cho chị diện tích 65$m^2$ thửa 5091 bằng số tiền là 16.000.000đ, vợ chồng anh Đ đã nhận đủ tiền và giao đủ đất, hai bên chưa làm thủ tục chuyển quyền, hiện nay chị đang sử dụng. Chị T1 yêu cầu hủy hợp đồng, trả tiền mua bán đất cho chị theo giá thị trường.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vương Thị Tuyết H trình bày:*

Chị là con của bà Trần Thị M2 (chết năm 1998), là cháu ngoại của ông Trần CH và bà Trương Thị N, khi ông bà ngoại chết không có để lại di chúc, có để lại đất ở và nhà ở đường N, đường TM, đất lúa như ý kiến trình bày của bà Trần Thị P và ông Trần Ngọc Đ mà Tòa án đã đo đạc. Nay chị H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông bà ngoại đối với phần bà M2 được hưởng. Chi H đồng ý giao đất nền nhà và nhà của ông bà cho ông Đ quản lý thờ cúng. Trong lúc Toà án giải quyết vụ án em của chị là Vương Thanh T được chị ủy quyền có đồng ý rút một phần yêu cầu độc lập đối với diện tích 72$m^2$ thửa 5091 mà ông ngoại đã sang nhượng cho ông Mai Văn H1 chưa chuyển quyền, đối với diện tích 65$m^2$ thửa 5091 mà ông Trần Nọc Đ sang nhượng cho chị Trần Lệ T1 chưa chuyển quyền, diện tích 200$m^2$ thửa 5091 mà ông Trần Ngọc Đ sang nhượng cho ông Mai Văn H1 chưa chuyển quyền. Nhưng tại phiên toà chị H thay đổi không rút yêu cầu đối với các diện tích 200 $m^2$ thửa 5091, diện tích 65$m^2$ thửa 5091, yêu cầu Toà án chia thừa kế đối với diện tích đất ông Đ đã sang nhượng và sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2013/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện T đã xét xử:

- Chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với diện tích 72$m^2$ thửa 5091 do ông Mai Văn H1 sử dụng.

- Không chấp nhận bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với tranh chấp đất của ông Bảy T5, bà X ở đường N, ông C3, ông Đ1, ông Ba C4, ông T6 ở đường TM, đất lúa của ông Đ.

- Chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Vương Thanh T, bà Vương Thị Tuyết H, bà Vương Thị Hồng M đối với diện tích 72 $m^2$ thửa 5091 do ông Mai Văn H1 sử dụng.

- Chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Võ Chí H2 đối với diện tích 5.031$m^2$ thửa 476.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị P về việc chia thừa kế.

- Bà Trần Thị P được hưởng thừa kế di sản như sau:

* Đất lúa tọa lạc ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp diện tích 778,6$m^2$ phần thửa 825, 3245. Vị trí đất:

- Đông giáp đất ông Đ (Võ Chí H2 đang canh tác)  41m.

- Tây giáp T, M, H 41m.

- Nam giáp đường nước tưới tiêu 19m.

- Bắc giáp ông Trần Tr 19m.

(hiện ông Lâm Văn T3 canh tác theo sơ đồ đo đạc ngày 20/5/2013)

Ông Lâm Văn T3 có trách nhiệm giao đất cho bà Trần Thị P diện tích 778,6$m^2$.

* Giá trị đất đường N là 38.735.000đ và giá trị đất đường TM là 110.852.000đ.

- Ông Trần Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị P giá trị đất đường N, đường TM với tổng số tiền là 149.587.000đ.

Kể từ ngày bà Trần Thị P có đơn yêu cầu Thi hành án mà ông Trần Ngọc Đ chưa trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định cho đến khi Thi hành xong.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của các ông, bà Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M về việc chia thừa kế.

- Các ông bà Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M được hưởng thừa kế như sau:

* Đất lúa tọa lạc ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp diện tích 778,6$m^2$ phần thửa 825, 3245. Vị trí đất:

- Đông giáp Trần Thị P 41m.

- Tây giáp Trần Ngọc Đ 41m.

- Nam giáp đường N ước tưới tiêu 19m.

- Bắc giáp ông Trần Tr 19m.

(hiện ông Lâm Văn T3 canh tác theo sơ đồ đo đạc ngày 20/5/2013)

Ông Lâm Văn T3 có trách nhiệm giao đất cho các ông bà T, M, H diện tích 778,6$m^2$ .

* Giá trị đất đường N là 38.735.000đ và giá trị đất đường TM là 110.852.000đ.

- Ông Trần Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho các ông bà Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M giá lộ đất đường N, đường TM với tổng số tiền là 149.587.000đ

Kể từ ngày các ông bà Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M có đơn yêu cầu Thi hành án mà ông Trần Ngọc Đ chưa trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định cho đến khi Th hành xong.

- Ông Trần Ngọc Đ được hưởng thừa kế như sau:

* Đất lúa: tọa lạc ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp, diện tích 778,6$m^2$ phần thửa 825, 3245. Vị trí:

- Đông giáp T, M, H 41m.

- Tây giáp ông Đ (ông T3 đang canh tác) 41m.

- Nam giáp đường nước tưới tiêu 19m.

- Bắc giáp ông Trần Tr 19m.

(hiện ông Lâm Văn T3 canh tác theo sơ đồ đo đạc ngày 20/5/2013)

- Ông Lâm Văn T3 có trách nhiệm trả đất cho ông Đ diện tích 1.947,8 $m^2$ thửa 825, 3425 theo sơ đồ đo đạc ngày 20/5/2013).

- Ông Trần Nọc Đ được tiếp tục sử dụng diện tích 573,8$m^2$ thửa 5091 tọa lạc đường N, ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp ( theo sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2011; ngày 20/5/2013; ngày 25/7/2013)

- Ông Trần Ngọc Đ được tiếp tục sử dụng diện tích 1.926$m^2$ thửa 791, 792, 793, 794, 798, 2882 tọa lạc đường TM, ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2011).

- Các ông bà Trần Thị P, Trần Ngọc Đ, Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất trên.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị P, Trần Ngọc Đ, Vương Thanh

T, Vương Thị Tuyết H, Vương Thị Hồng M di sản thờ cúng là 01 nền nhà diện tích 82,4m$^2$ thửa 5881 và 01 căn nhà xây tường lợp tole nền gạch tàu diện tích 54,6m$^2$ chiều ngang 4,2m chiều dài 13m tọa lạc đường N, ấp 1, thị trấn S, huyện T, Đồng Tháp tiếp tục giao cho ông Trần Ngọc Đ quản lý và ông Đ có trách nhiệm bảo quản di sản, không được bán, trao đổi, tặng cho cầm cố, thế chấp, và định đoạt tài sản bằng các hình thức khác, nếu không được những người thừa kế đồng lý bằng văn bản.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lâm Văn T3.

- Hủy Hợp đồng cầm cố đất ruộng ngày 4/12/2009 giữa vợ chồng ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 và vợ chồng ông Lâm Văn T3, bà Huỳnh Thị Yến V đối với diện tích 3.505m$^2$, thửa 825, 3245.

- Ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn T3, bà Huỳnh Thị Yến V số tiền là 40.000000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Văn H yêu cầu ông Trần Ngọc Đ chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích 200 m$^2$, thửa 5091.

- Hủy Hợp đồng sang nhượng đất giữa vợ chồng ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 và ông Mai Văn H1 đối với diện tích 200m$^2$ thửa 5091 (Hợp đồng sang nhượng đất ngày 28/10/2009).

- Ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn H số tiền là 126.311.000đ và ông Đ được hưởng phần tài sản hiện có trên diện tích 200m$^2$ (theo biên bản định giá ngày 20/9/2013).

- Ông Mai Văn H1, bà La Thị M, ông Mai Đức C1, ông Mai Văn C có trách nhiệm liên đới trả đất cho ông Trần Ngọc Đ diện tích 200 m$^2$, thửa 5091.

- Hủy Hợp đồng sang nhượng đất giữa vợ chồng ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 và bà Trần Lệ T1 đối với diện tích 65m$^2$ thửa 5091 (Giấy thỏa thuận bán đất ngày 20/7/2010).

- Ông Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 có trách nhiệm trả cho bà Trần Lệ T1 số tiền là 19.835.000đ .

- Bà Trần Lệ T1 có trách nhiệm trả đất cho Trần Ngọc Đ, bà Dương Thị T2 diện tích 65m$^2$ (theo sơ đồ đo đạc ngày 20/5/2013)

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.620.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 4.495.000đ theo biên lai thu số 001129 ngày 06/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Trần Thị P phải nộp án

phí là 5.125.000đ.

- Ông Trần Ngọc Đ và bà Dương Thị T2 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.115.000đ.

- Vương Thanh T, Vương Thị Hồng M, Vương Thị Tuyết H liên đới chịu án phí sơ thẩm là 9.620.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 2.046.000đ (Trần Thị P nộp thay) theo biên lai thu số 007143 ngày 18/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Vương Thanh T, Vương Thị Tuyết M, Vương Thị Tuyết H liên đới nộp án phí là 7.574.000đ.

- Ông Lâm Văn T3 và bà Huỳnh Thị Yến V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ theo biên lai thu số 007241 ngày 01/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ông Võ Chí H2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.625.000đ theo biên lai thu số 006594 ngày 21/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Bà Trần Lệ T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Văn H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 402.500đ theo biên lai thu số 006975 ngày 22/7/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông H được nhận lại số tiền chênh lệch là 202.500đ.

- Bà La Thị M, ông Mai Đức C1, ông Mai Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- UBND huyện T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, Thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 10 năm 2013 ông Trần Ngọc Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Ngày 09 tháng 10 năm 2013 bà Trần Thị P kháng cáo với nội dung kháng cáo như sau: Phần đất diện tích 573.8m$^2$, diện tích 1.926m$^2$, diện tích 3.505m$^2$ là tài sản chung của ông CH và bà N, không phải là tài sản chung của ông Đ, yêu cầu chia thừa kế bằng nhau và yêu cầu nhận quyền sử dụng đất không đồng ý nhận giá trị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần CH chết 2006 và bà Trương Thị N chết 2001 chung sống với nhau không có con chung, có 3 người con nuôi:

- Trần Thị M2 chết 1998 có 3 người con gồm: Vương Thị Tuyết H, Vương Thanh T và Vương Thị Hồng M.

- Trần Thị P.

- Trần Ngọc Đ.

Ông CH và bà N chết không để lại di chúc, tài sản để lại gồm:

+ Đất đường N, diện tích 677m$^2$ thuộc thửa 5881, 5091.

+ Đất đường TM, diện tích 1.926m$^2$, thuộc thửa 791,792, 793, 794, 798, 2828.

+ Đất lúa, diện tích 8.536m$^2$ thuộc thửa 825, 3245 và thửa 746. Nhưng thửa 746 diện tích 301m$^2$ ông CH chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

+ Căn nhà cấp 4 ngang 4m x 12 m.

Sau khi ông CH và bà N chết thì toàn bộ tài sản anh Đ đang quản lý.

[2] Chị P yêu cầu chia thừa kế phần đất của ông CH và bà N để lại thành 3 phần bằng nhau cho chị P, anh Đ và các con chị M2 mỗi người được hưởng một phần bằng nhau.

Đối với căn nhà cấp 4 ngang 4m x 12m; phần đất nền nhà 82,4m$^2$ thuộc thửa 5881; phần khu mộ 31,2m$^2$; phần đất ông CH chuyển nhượng cho ông H1 72m$^2$ nhưng chưa tiến hành thủ tục chuyển nhượng theo quy định, chị P không tranh chấp.

[3] Theo anh Đ khi còn sống ông CH cho anh Đ 477m$^2$ thửa 5091 đường Nguyễn Văn Cơ, nhưng không có làm giấy tờ, sau khi ông CH chết anh đã tiến hành thủ tục thừa kế, nên không đồng ý chia.

- Đất ở đường TM khi ông CH còn sống có cho chị P và Vương Thị Hồng M mỗi người 01 nền nhà ngang 5m, dài hết đất, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh Đ đồng ý tiến hành thủ tục sang tên cho chị P và chị Hồng M. Phần diện tích còn lại không đồng ý chia.

- Đất lúa thửa 825, 3245 diện tích 3.505m$^2$, thửa 746, diện tích 5.031m$^2$ không đồng ý chia.

[4] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các phần đất tranh chấp cụ thể:

- Phần đất ở đường N theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày

17/3/2011, kèm theo xác nhận ngày 17/3/2011 có sơ đồ kèm theo; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2013; biên bản xem xét thẩm tại chỗ ngày 25/7/2013 và sơ đồ tổng hợp của 03 sơ đồ ngày 15/5/2013 thì các số liệu, vị trí, diện tích phần đất không thống nhất với nhau. Theo sơ đồ tổng hợp ngày 15/5/2015 thì tổng diện tích đất ở đường N của ông CH, bà N chết để lại là 772,6m$^2$, trừ các phần đất không tranh chấp (phần đất nền nhà 82,4m$^2$, phần đất khu mộ 31,2m$^2$, phần đất chuyển nhượng cho ông H1 72m$^2$), diện tích đất còn lại là 587m$^2$, nhưng án sơ thẩm xác định diện tích đất ở đường N để chia thừa kế là 573,8m$^2$ là chưa phù hợp.

- Phần đất ở đường TM, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2011, kèm theo xác nhận ngày 17/3/2011 do cán bộ địa chính vẽ, ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, thì phần đất đường TM có diện tích đo đạc thực tế là 1.926m$^2$ gồm các thửa 794, 793, 792, 791, 2882, 798 nhưng các thửa 792, 793, 798 chỉ có đo một phần thửa, không có thửa 796. Theo mảnh trích đo địa chính ngày 29/12/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T thì phần đất của ông CH ở đường TM thuộc các thửa 792, 793, 794, 796, 798 có tổng diện tích là 2.152m$^2$, không có thửa 791 và thửa 2882.

- Phần đất lúa theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2011, kèm theo xác nhận ngày 17/3/2011 do cán bộ địa C vẽ, ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, thì phần đất lúa thuộc thửa 825, 826 có diện tích 8.536m$^2$. Án sơ thẩm xác định phần đất lúa có diện tích 3.505m$^2$ thuộc thửa 825, 3245 và chia cho những người thừa kế của ông CH, bà N mỗi suất thừa kế được hưởng 778,6m$^2$, nhưng không xác định cụ thể vị trí, mốc giới trên sơ đồ. Phần đất còn lại thuộc thửa 826 hay thửa 746 và thửa 3245 chưa xác định rõ?

Mặt khác, án sơ thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Đ với ông H1 đối với diện tích 200m$^2$. Buộc ông H1 trả lại đất, anh Đ có trách nhiệm trả lại tiền, nhưng án sơ thẩm không buộc ông H1 di dời cơ sở vật chất để trả lại đất và trong trường hợp ông H1 trả lại đất, di dời cơ sở vật chất, thì ông H1 có yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại hay không cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Ngoài ra, theo phiếu cung cấp thông tin ngày 18/8/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông CH thể hiện trong hồ sơ vụ án thì ông CH còn một thửa đất 772, tờ bản đồ số 01, diện tích 200m$^2$, đất ở đô thị cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ thửa 772 hiện nay ai đang quản lý sử dụng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ vị trí, diện tích, mốc giới…các phần đất tranh chấp, chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Đ với ông H1 và chưa xác định thửa 772 hiện nay ai đang quản lý sử dụng. Từ những thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm dân sự số: 19/2013/DS-ST, ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Toà án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và đề xuất hướng giải quyết vụ án là hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T do thu thập chứng cứ không đầy đủ. Xét thấy, như phân tích trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của chị P và anh Đ. Chị P và anh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 132; khoản 3, Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy bản án sơ thẩm dân sự số: 19/2013/DS-ST, ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T.

Giao hồ sơ vụ án tranh chấp thừa kế giữa nguyên đơn chị Trần Thị P với bị đơn anh Trần Ngọc Đ cho Tòa án nhân dân huyện T để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 13865 ngày 08/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bà Trần Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 13879 ngày 11/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí sơ dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải

quyết vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi Nhận:***
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (B).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)
**Nguyễn Tấn Tặng**